|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS…**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 6 (*Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống*)**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**Học kỳ 1: 4 tiết/tuần x 18 tuần = 72 tiết**

**Học kỳ 2: 4 tiết/tuần x 17 tuần = 68 tiết**

**Cả năm: 4 tiết/tuần x 35 tuần = 140 tiết**

**Họ và tên giáo viên: *………………* Trình độ đào tạo: ……… Dạy lớp: ……………………**

**I. Kế hoạch dạy học**

**Học kỳ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
|  | **BÀI 1. TÔI VÀ CÁC BẠN (16 tiết)** | | | |
| 1 | 1 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Bài học đường đời đầu tiên | 3 | - Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.  - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn bản đảm bảo các bước.  - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.  - Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt. |
| 2 |
| 3 |
| 4 | Thực hành tiếng Việt: Từ đơn và từ phức; Nghĩa của từ ngữ; Biện pháp tu từ | 1 |
| 2 | 5 | Đọc VB2: Nếu cậu muốn có một người bạn | 2 |
| 6 |
| 7 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ; Biện pháp tu từ; Từ ghép và từ láy | 1 |
| 8 | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm | 2 |
| 3 | 9 | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm |
| 10 | Thực hành: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm | 2 |
| 11 |
| 12 | Đọc VB3: Bắt nạt | 2 |
| 4 | 13 | Đọc VB3: Bắt nạt |
| 14 | Trả bài: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm | 1 |
| 15 | Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm của em | 2 |
| 16 | Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm của em |
| **BÀI 2. GÕ CỬA TRÁI TIM (12 tiết)** | | | | |
| 5 | 17 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Chuyện cổ tích về loài người | 3 | - Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Nhận biết được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.  - Học sinh viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.  - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống.  - Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống. |
| 18 |
| 19 |
| 20 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ; Biện pháp tu từ | 1 |
| 6 | 21 | Đọc VB2: Mây và sóng | 1 |
| 22 | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ; Dấu câu; Đại từ | 1 |
| 23 | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả | 1 |
| 24 | Thực hành: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả | 1 |
| 7 | 25 | Đọc VB3: Bức tranh của em gái tôi | 2 |
| 26 |
| 27 | Trả bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả | 1 |
| 28 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình | 1 |
|  | **BÀI 3. YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ (12 tiết + 3 tiết ôn tập, kiểm tra giữa kì 1+1 tiết đọc mở rộng)** | | | |
| 8 | 29 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Cô bé bán diêm | 3 | - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.  - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra |
| 30 |
| 31 |
| 32 | Ôn tập giữa học kì I | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 8.  - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 9 | 33 | Kiểm tra, đánh giá giữa học kì I | 2 | * Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu một số đoạn trích/văn bản trong/ngoài chương trình học. * Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình HK1, môn Ngữ văn lớp 6 theo phát triển năng lực của HS và theo ba nội dung: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.   - Đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức tự luận. |
| 34 |
| 35 | Thực hành tiếng Việt: Cụm danh từ | 1 | - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.  - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra  - Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu.  - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.  - Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.  - Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi bất hạnh. |
| 36 | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em | 1 |
| 10 | 37 | Thực hành: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em | 1 |
| 38 | Đọc VB2: Gió lạnh đầu mùa | 2 |
| 39 |
| 40 | Thực hành tiếng Việt: Cụm động từ và cụm tính từ | 1 |
| 11 | 41 | Đọc VB3: Con chào mào | 1 |
| 42 | Nói và nghe: Kể về một trải nghiệm của em | 1 |
| 43 | Đọc mở rộng | 1 |
| 44 | Trả bài: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em | 1 | - HS nhận biết ưu, nhược điểm của bài viết kể lại một trải nghiệm của em và bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì I.  - Rèn luyện và phát triển kĩ năng viết văn  - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. |
| Trả bài kiểm tra đánh giá giữa kì I |
|  | **BÀI 4. QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU (12 tiết)** | | | |
| 12 | 45 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Chùm ca dao về quê hương, đất nước | 3 | - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.  - Bước đầu biết làm thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.  - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống  - Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước. |
| 46 |
| 47 |
| 48 | Thực hành tiếng Việt: Từ đồng âm và từ đa nghĩa | 1 |
| 13 | 49 | Đọc VB2: Chuyện cổ nước mình | 1 |
| 50 | Tập làm một bài thơ lục bát | 1 |
| 51 | Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát | 1 |
| 52 | Thực hành: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát | 1 |
| 14 | 53 | Đọc VB3: Cây tre Việt Nam | 1 |
| 54 | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ; Nghĩa của từ ngữ | 1 |
| 55 | Trả bài: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát | 1 |
| 56 | Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương | 1 |
|  |  | **BÀI 5. NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ (12 tiết + 3 tiết ôn tập, kiểm tra cuối kì I, 1 tiết đọc mở rộng)** | | |
| 15 | 57 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Cô Tô | 3 | - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.  - Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ  - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở. |
| 58 |
| 59 |
| 60 | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ | 1 |
| 16 | 61 | Ôn tập học kì I | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở HK1.  - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 62 | Kiểm tra, đánh giá cuối học kì 1 | 2 | - Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu một số đoạn trích/văn bản trong/ngoài chương trình học.   * Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình HK1, môn Ngữ văn lớp 6 theo phát triển năng lực của HS và theo ba nội dung: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.   - Đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức tự luận. |
| 63 |
| 64 | Đọc VB2: Hang Én | 2 | - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.  - Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).  - Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.  - Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.  - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở |
| 17 | 65 |
| 66 | Thực hành tiếng Việt: Dấu câu; Biện pháp tu từ | 1 |
| 67 | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | 1 |
| 68 | Thực hành: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | 1 |
| 18 | 69 | Đọc VB3: Cửu Long Giang ta ơi | 1 |
| 70 | Nói và nghe: Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến | 1 |
| 71 | Đọc mở rộng | 1 |
| 72 | Trả bài: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | 1 | - HS nhận biết ưu, nhược điểm của bài viết tả cảnh sinh hoạt và bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì I.  - Rèn luyện và phát triển kĩ năng viết văn  - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. |
| Trả bài kiểm tra đánh giá cuối học kì I |

**Học kỳ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
|  | **BÀI 6. CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG (13 tiết)** | | | |
| 19 | 73 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Thánh Gióng | 3 | - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề của văn bản.  - Nhận biết được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.  - Nhận biết được công dụng và cách sử dụng dấu chấm phẩy; cấu tạo và nghĩa của từ Hán Việt, thành ngữ thông dụng; củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ.  - Bước đầu hiểu biết về văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.  - Kể được một truyền thuyết.  - Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng. |
| 74 |
| 75 |
| 76 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ; Từ ghép và từ láy; Cụm từ; Biện pháp tu từ | 1 |
| 20 | 77 | Đọc VB2: Sơn Tinh, Thủy Tinh | 2 |
| 78 |
| 79 | Thực hành tiếng Việt: Dấu câu; Nghĩa của từ; Biện pháp tu từ | 1 |
| 80 | Đọc VB3: Ai ơi mồng 9 tháng 4 | 1 |
| 21 | 81 | Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) | 1 |
| 82 | Thực hành: Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) | 2 |
| 83 |
| 84 | Nói và nghe: Kể lại một truyền thuyết | 1 |
| 22 | 85 | Trả bài: Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) | 1 |
| **BÀI 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH (13 tiết + 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa học kỳ II, 1 tiết đọc mở rộng)** | | | |
| 86 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Thạch Sanh | 3 | - Nắm được chủ đề bài học, khái niệm truyện cổ tích, một số yếu tố của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, trật tự kể, lời kể…)  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tào, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.  - Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ và biện pháp tu từ để đọc, viết nói và nghe.  - Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.  - Kể lại một truyện cổ tích một cách sinh động.  - Sống vị tha, yêu thương con người, trung thực khiêm tốn. |
| 87 |
| 88 |
| 23 | 89 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ | 1 |
| 90 | Đọc VB 2: Cây khế | 2 |
| 91 |
| 92 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ; Biện pháp tu từ | 1 |
| 24 | 93 | Đọc VB3: Vua chích chòe | 1 |
| 94 | Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | 1 |
| 95 | Thực hành: Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | 2 |
| 96 |
| 25 | 97 | Nói và nghe: Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật | 1 |
| 98 | Trả bài: Bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | 1 |
| 99 | Đọc mở rộng | 1 | - HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* và bài 7. *Thế giới cổ tích*. Qua đó, các em thể hiện khả năng vận dụng trải nghiệm kiến thức và kỹ năng được học trong những bài học đã đọc các VB mới thuộc thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích.  - HS nêu được chủ đề và trình bày được một số yếu tố của truyền thuyết, truyện cổ tích được thể hiện qua văn bản đã đọc. |
| 100 | Ôn tập giữa học kỳ II | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 19 đến tuần 25.  - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 26 | 101 | Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II | 2 | - Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu một số đoạn trích/văn bản trong/ngoài chương trình học.  - Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình HK2, môn Ngữ văn lớp 6 theo phát triển năng lực của HS  - Đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận. |
| 102 |
| **BÀI 8: KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI (13 tiết + 1 tiết trả bài kiểm tra giữa kỳ II)** | | | |
| 103 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Xem người ta kìa! | 3 | - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.  - Nhận ra đượcý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.  - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.  - Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.  - Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đế); tóm tắt được ý kiến của người khác.  - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. |
| 104 |
| 27 | 105 |
| 106 | Thực hành tiếng Việt:Trạng ngữ; Nghĩa của từ ngữ | 1 |
| 107 | VB2: Hai loại khác biệt | 2 |
| 108 |
| 28 | 109 | Thực hành tiếng Việt: Lựa chọn từ ngữ; Lựa chọn cấu trúc câu | 1 |
| 110 | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. | 1 |
| 111 | Thực hành: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. | 2 |
| 112 |
| 29 | 113 | VB3: Bài tập làm văn | 1 |
| 114 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống | 1 |
| 115 | Trả bài: Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | 1 |
| Trả bài kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II | - HS nhận biết ưu điểm, nhược điểm trong bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm và bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì II.  - Phát huy năng lực làm việc theo nhóm, đọc bài viết để góp ý cho nhau, chia sẻ kinh nghiệm về bài viết thông qua việc trao đổi nhóm.  - Yêu thích môn học, tự giác và cầu thị. |
| **BÀI 9. TRÁI ĐẤT-NGÔI NHÀ CHUNG (13 tiết + 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra, 1 tiết đọc mở rộng)** | | | |
| 116 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;  Đọc VB1: Trái đất - Cái nôi của sự sống | 3 | - Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu…  - Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.  - Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.  - Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  - Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất. |
| 30 | 117 |
| 118 |
| 119 | Thực hành tiếng Việt: Văn bản và đoạn văn | 1 |
| 120 | Đọc VB2: Các loài sống chung với nhau như thế nào? | 2 |
| 31 | 121 |
| 122 | Thực hành tiếng Việt: Từ mượn | 1 |
| 123 | Đọc VB3: Trái Đất | 1 |
| 124 | Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | 1 |
| 32 | 125 | Thực hành: Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | 1 |
| 126 | Tóm tắt sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản | 1 |
| 127 | Trả bài: Biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | 1 |
| 128 | Nói và nghe: Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường | 1 |
| 33 | 129 | Đọc mở rộng | 1 | - HS trình bày, trao đổi về kết quả tự đọc các văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với các VB trong bài 8. *Khác biệt và gần gũi* và bài 9. *Trái Đất- ngôi nhà chung*. Qua đó, HS thể hiện khả năng, vận dụng kiến thức, trải nghiệm và kỹ năng được học trong những bài học đã học để tự đọc những VB mới thuộc loại VB nghị luận và VB thông tin.  - HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trung của VB nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB. |
| 130 | Ôn tập cuối học kỳ II | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe và kiến thức tiếng Việt.  - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.  - Năng lực tổng hợp kiến thức đã học kì II.Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.  - Ý thức tự giác, tích cực ôn tập. |
| 131 | Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II | 2 | - Đánh giá, kiểm tra mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì II, môn Ngữ văn lớp 6 theo ba nội dung: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.  - Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày, đánh giá, tổng hợp các kiến thức đã học kì II  - Tự giác, nghiêm túc, trung thực |
| 132 |
| **BÀI 10. CUỐN SÁCH TÔI YÊU (8 tiết + 1 tiết trả bài kiểm tra cuối học kỳ II)** | | | |
| 34 | 133 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách | 4 | - Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở những điều đã học.  - Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.  - Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tương đời sống.  - Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.  - Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách. |
| 134 |
| 135 |
| 136 |
| 35 | 137 | Viết: Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả | 1 |
| 138 | Thực hành viết: Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả | 1 |
| 139 | Nói và nghe: Về đích ngày hội với sách | 1 |
| 140 | Trả bài kiểm tra đánh giá cuối học kỳ II | 1 | - HS nhận biết ưu, nhược điểm của bài văn viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận và bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì II.  - Năng lực vận dụng viết biên bản trong thực tế cuộc sống và làm bài kiểm tra tổng hợp dựa trên những nhận xét, góp ý từ giáo viên và bạn bè. Năng lực làm việc theo nhóm, đọc bài viết để góp ý cho nhau, chia sẻ kinh nghiệm về bài viết thông qua việc trao đổi nhóm.  - Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân khi nhận xét bài của mình và bài của bạn. |

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):***(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *……….., ngày……tháng……năm 2023*  **BAN GIÁM HIỆU** | *…………, ngày…. tháng … năm 2023*  **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | *…….., ngày…. tháng … năm 2023*  **GIÁO VIÊN** |